

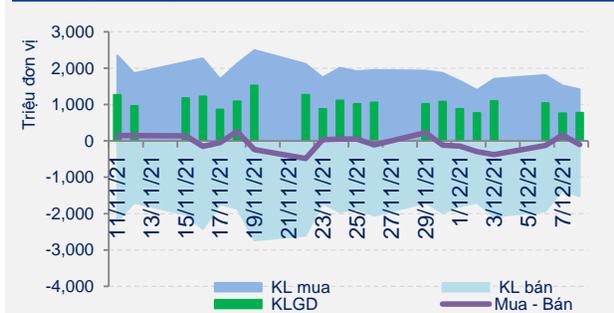
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/12/2021

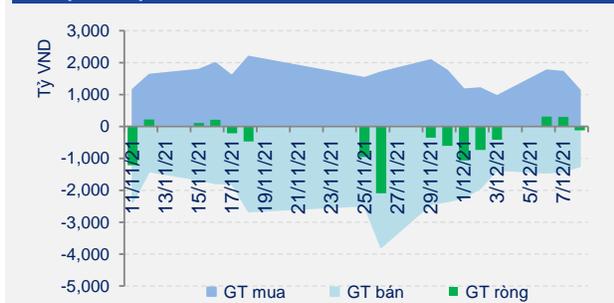
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,452.87	449.74
% Thay đổi	↑ 0.42%	↑ 0.75%
KLGD (CP)	771,026,551	144,989,649
GTGD (tỷ đồng)	21,610.90	3,586.14
Tổng cung (CP)	1,524,557,400	175,461,600
Tổng cầu (CP)	1,420,240,800	164,902,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,872,323	713,906
KL mua (CP)	26,353,700	332,158
GT mua (tỷ đồng)	1,131.23	9.73
GT bán (tỷ đồng)	1,248.99	16.24
GT ròng (tỷ đồng)	(117.76)	(6.50)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.11%	23.6	3.8	1.0%
Công nghiệp	↓ -0.25%	23.6	3.1	13.2%
Dầu khí	↑ 0.86%	18.3	1.9	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.22%	-	10.3	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.35%	17.2	2.9	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.07%	22.9	4.0	9.0%
Ngân hàng	↑ 1.09%	11.6	2.3	15.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.04%	11.2	2.7	10.8%
Tài chính	↑ 0.13%	20.7	3.7	39.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.33%	16.1	2.6	4.0%
VN - Index	↑ 0.42%	17.1	3.2	
HNX - Index	↑ 0.75%	24.6	5.0	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 6,1 điểm (+0,42%) lên 1.452,87 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 218 mã tăng, 68 mã tham chiếu, 228 mã giảm. HNX-Index tăng 3,33 điểm (+0,75%) lên 449,74 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là trung tính với 113 mã tăng, 59 mã tham chiếu, 127 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 854 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 23.198 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu ngân hàng điểm nhấn trong phiên hôm nay với hàng loạt mã tăng mạnh. Thậm chí tăng trần như PGB (+8,4%), TPB (+6,9%), EIB (+4,3%), KLB (+2,6%), SSB (+2,3%), VIB (+2,1%), STB (+2%), SHB (+2%), BAB (+1,8%), MSB (+1,8%), VAB (+1,5%), OCB (+1,5%)... đã giúp giữ vững sắc xanh cho thị trường. Cổ phiếu chứng khoán cũng tăng khá tốt với SHS (+4,2%), VND (+1,6%), VCI (+1,2%), HCM (+0,1%), AGR (+0,2%), MBS (+0,8%), TVC (+2,9%)... Bên cạnh đó, các cổ phiếu lớn tăng giá khá tốt cũng giúp giữ nhịp cho thị trường chung như PNJ (+3%), GAS (+1,8%), POW (+1,7%), NVL (+1,2%), GVR (+1,1%), KDH (+1,1%)... Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu lớn bị bán và kết phiên trong sắc đỏ đã khiến mức tăng của thị trường bị thu hẹp, có thể kể đến VJC (-1,3%), BVH (-1,2%), HPG (-0,8%), SSI (-0,8%), VHM (-0,7%), VIC (-0,7%), VNM (-0,6%), MSN (-0,5%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang có sự thận trọng nhất định sau nhịp giảm mạnh vừa qua. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index đã lấy lại được ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm giúp cho xu hướng tăng của thị trường được cải thiện và khả năng để VN-Index hướng đến các ngưỡng cao hơn trong thời gian tới là có thể xảy ra. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 9/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với vùng kháng cự 1.465-1.470 điểm (MA20) và vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã tham gia bắt đáy trong phiên đầu tuần có thể tiếp tục gia tăng tỷ trọng nếu thị trường test những vùng hỗ trợ kể trên trong phiên tới, mục tiêu giải ngân nên là các cổ phiếu có cơ bản tốt và định giá hấp dẫn.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **8/12/2021**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.460,28 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,1 điểm (+0,42%) lên 1.452,87 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: TPB tăng 3.300 đồng, GAS tăng 1.700 đồng, NVL tăng 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 800 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 451,72 điểm. Vào đầu phiên, chỉ số giảm nhẹ xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 446,17 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,33 điểm (+0,75%) lên 449,74 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.000 đồng, IDC tăng 6.200 đồng, THD tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO giảm 2.000 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 117,51 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,8 triệu đơn vị. TCH là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 55,1 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 54,2 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã được mua ròng nhiều nhất với 66 tỷ đồng tương ứng với 628 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 6,56 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 382 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,7 tỷ đồng tương ứng với 95 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DL1 với 2,7 tỷ đồng tương ứng với 217 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2 tỷ đồng tương ứng với 7,8 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là chưa thực sự mạnh, dòng tiền vẫn đang có sự thận trọng nhất định.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục ngày hôm nay thì chỉ số VN-Index đã lấy lại được ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm giúp cho xu hướng tăng của thị trường được cải thiện và khả năng để thị trường tiếp tục đi lên trong các phiên tiếp theo là có thể xảy ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 9/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng tới vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,4 - 61,05 triệu đồng/lượng, giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 27 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 8/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.237 VND/USD, tiếp tục tăng 27 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

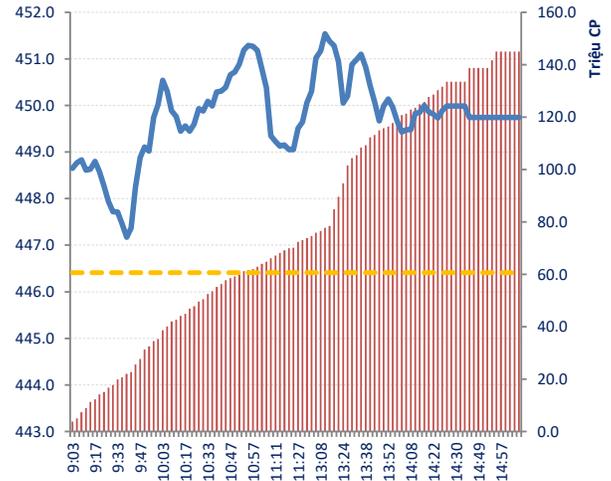
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,75 USD/ounce tương ứng với 0,32% lên 1.790,45 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,163 điểm tương ứng 0,17% xuống 96,205 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1284 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3243 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,5 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,25 USD/thùng tương ứng với 0,35% xuống 71,78 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/12, Dow Jones tăng 492,4 điểm tương đương 1,4% lên 35.719,43 điểm. Nasdaq tăng 461,76 điểm tương đương 3,03% lên 15.686,92 điểm. Nasdaq Composite tăng 95,08 điểm tương đương 2,07% lên 4.686,75 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



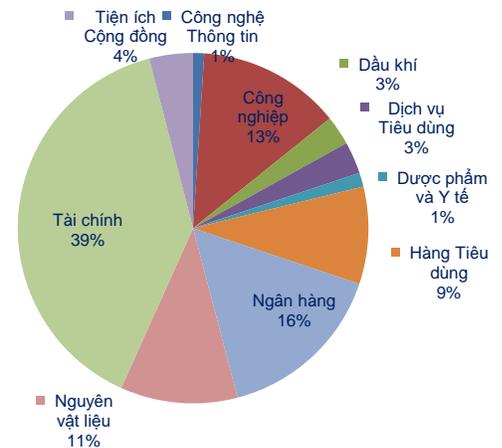
KLGD và HNX-Index trong phiên



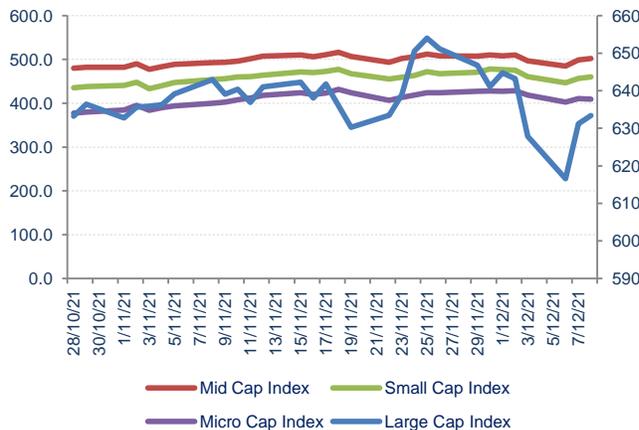
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



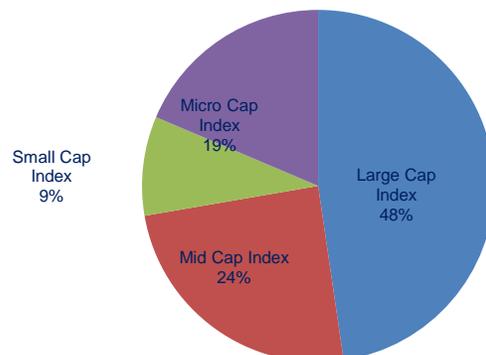
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	1,829,900	TCH	2,594,900
2	VHM	747,700	HPG	1,143,500
3	DCM	721,600	POW	1,004,800
4	E1VFN30	641,600	FUEVFN30	930,700
5	VCI	636,600	SSI	913,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTC	72,400	DL1	217,200
2	PVG	28,800	SHS	94,900
3	NDN	26,318	HUT	92,900
4	PCG	19,500	OCH	50,000
5	PVI	13,151	KVC	33,200

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	8.49	8.06	↓ -5.06%	54,983,900
POW	14.85	15.10	↑ 1.68%	42,333,300
HAG	9.23	9.87	↑ 6.93%	38,298,600
ITA	14.30	15.05	↑ 5.24%	35,158,200
HQC	6.66	6.66	→ 0.00%	20,946,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.50	7.10	↑ 9.23%	21,812,307
DNP	16.20	17.80	↑ 9.88%	14,289,030
SHS	47.50	49.50	↑ 4.21%	11,433,826
PVS	25.90	26.50	↑ 2.32%	10,864,373
OCH	8.80	9.60	↑ 9.09%	8,258,129

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	126.00	134.80	8.80	↑ 6.98%
HAG	9.23	9.87	0.64	↑ 6.93%
BAF	27.40	29.30	1.90	↑ 6.93%
TPB	47.80	51.10	3.30	↑ 6.90%
NHA	52.10	55.70	3.60	↑ 6.91%

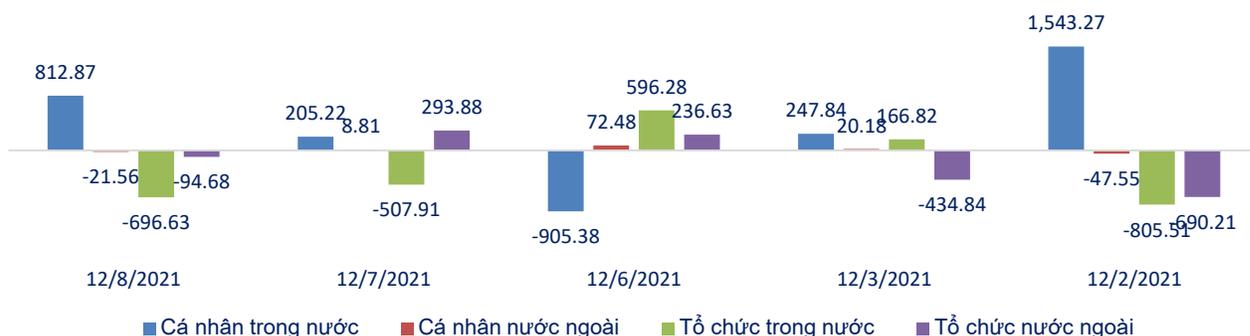
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BXH	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
CMS	34.10	37.50	3.40	↑ 9.97%
DNP	16.20	17.80	1.60	↑ 9.88%
HGM	36.50	40.10	3.60	↑ 9.86%
S55	38.70	42.50	3.80	↑ 9.82%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNI	9.58	8.91	-0.67	↓ -6.99%
IDI	16.55	15.40	-1.15	↓ -6.95%
SSC	41.90	39.00	-2.90	↓ -6.92%
KHP	19.00	17.70	-1.30	↓ -6.84%
SJF	14.65	13.65	-1.00	↓ -6.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L43	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
SDA	42.20	38.00	-4.20	↓ -9.95%
PMP	19.40	17.50	-1.90	↓ -9.79%
LM7	9.30	8.40	-0.90	↓ -9.68%
NDX	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	156.41	44.7%	7,085	6.7	2.5
APH	135.37	1.6%	448	80.0	1.1
ROS	128.08	3.1%	324	26.2	0.8
EIB	73.13	5.7%	792	32.3	1.8
TDC	69.73	11.8%	1,497	16.5	2.1

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-88.35	2.9%	1,111	96.1	2.5
VRE	-82.81	7.2%	954	31.4	2.2
VCI	-52.55	24.5%	3,456	21.1	3.8
DBD	-40.05	15.9%	2,923	19.2	2.9
MSB	-34.11	20.8%	2,652	9.2	1.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	4.27	24.5%	3,456	21.1	3.8
VND	3.65	34.3%	4,766	15.7	3.8
HPG	3.45	44.7%	7,085	6.7	2.5
PVD	3.30	0.2%	69	412.9	0.9
DGW	2.81	31.6%	4,739	27.3	7.8

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-15.78	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-8.77	38.3%	8,968	9.1	3.0
VRE	-7.19	7.2%	954	31.4	2.2
SSI	-4.22	16.5%	2,048	25.5	3.9
CTG	-3.16	18.1%	3,439	9.5	1.6

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBD	38.59	15.9%	2,923	19.2	2.9
MSB	34.12	20.8%	2,652	9.2	1.8
GEX	32.96	8.6%	1,754	21.9	1.7
VRE	27.53	7.2%	954	31.4	2.2
TPB	25.83	23.1%	4,366	10.9	2.3

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-141.02	1.6%	448	80.0	1.1
ROS	-127.38	3.1%	324	26.2	0.8
HPG	-102.00	44.7%	7,085	6.7	2.5
EIB	-73.36	5.7%	792	32.3	1.8
TDC	-69.87	11.8%	1,497	16.5	2.1

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	69.53	38.3%	8,968	9.1	3.0
VIC	66.04	2.9%	1,111	96.1	2.5
VRE	62.47	7.2%	954	31.4	2.2
VCI	42.53	24.5%	3,456	21.1	3.8
DCM	26.76	15.8%	1,952	18.5	2.9

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-57.86	44.7%	7,085	6.7	2.5
TCH	-55.12	5.6%	1,229	17.2	1.1
NVL	-50.79	7.9%	2,083	54.0	4.1
HDG	-46.33	17.6%	4,942	15.4	2.6
SSI	-43.68	16.5%	2,048	25.5	3.9



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	54,983,900	3.1%	324	26.2	0.8
POW	42,333,300	3250.0%	1,167	12.7	1.1
HAG	38,298,600	-18.4%	(1,220)	-	1.7
ITA	35,158,200	1.5%	174	82.4	1.2
HQC	20,946,700	0.1%	9	753.5	0.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	21,812,307	0.1%	6	1,069.6	0.6
DNP	14,289,030	0.3%	93	174.2	0.5
SHS	11,433,826	25.5%	3,176	15.0	2.3
PVS	10,864,373	4.6%	1,238	20.9	0.9
OCH	8,258,129	-0.9%	(77)	-	1.1

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVC	↑ 7.0%	8.7%	4,614	27.3	2.4
HAG	↑ 6.9%	-18.4%	(1,220)	-	1.7
BAF	↑ 6.9%	13.4%	2,175	12.6	1.8
TPB	↑ 6.9%	23.1%	4,366	10.9	2.3
NHA	↑ 6.9%	6.1%	619	84.2	5.2

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 10.0%	3.0%	565	26.6	0.8
CMS	↑ 10.0%	-4.0%	(541)	-	2.6
DNP	↑ 9.9%	0.3%	93	174.2	0.5
HGM	↑ 9.9%	36.9%	5,028	7.3	2.9
S55	↑ 9.8%	8.8%	5,246	7.4	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	1,829,900	7.2%	954	31.4	2.2
VHM	747,700	38.3%	8,968	9.1	3.0
DCM	721,600	15.8%	1,952	18.5	2.9
V1VFN3	641,600	N/A	N/A	N/A	N/A
VCI	636,600	24.5%	3,456	21.1	3.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTC	72,400	11.6%	996	7.7	0.9
PVG	28,800	4.3%	578	24.7	1.1
NDN	26,318	28.9%	3,986	5.2	1.4
PCG	19,500	3.1%	273	37.0	1.1
PVI	13,151	11.0%	3,559	13.3	1.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	406,016	2.9%	1,111	96.1	2.5
VCB	364,212	20.4%	5,696	17.2	3.3
VHM	355,316	38.3%	8,968	9.1	3.0
HPG	212,911	44.7%	7,085	6.7	2.5
GAS	184,696	16.9%	4,384	22.0	3.7

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,130	25.2%	4,694	53.6	15.2
IDC	24,750	11.8%	1,805	45.7	5.3
KSF	21,390	8.8%	763	93.5	3.6
VCS	18,800	41.5%	11,163	10.5	4.0
BAB	17,322	8.6%	979	23.5	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.23	0.5%	51	286.6	1.4
DRH	3.08	2.1%	292	72.0	1.5
TSC	2.65	5.9%	770	19.2	1.1
FTS	2.63	22.7%	3,580	17.6	3.6
SGR	2.51	-1.9%	(237)	-	2.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.54	3.3%	243	173.4	5.7
APS	3.12	22.8%	1,716	24.2	3.7
L14	3.06	13.6%	1,987	127.1	15.3
PVL	3.04	9.9%	475	41.1	3.8
BTS	2.72	-0.4%	(42)	-	1.1



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---